

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 5 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

2. Bà Phan Thị Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ: Bà Bùi Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐST – HNGĐ ngày 09/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST – HNGĐ ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phương D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn Phương D vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bình Thuận vào ngày 21/11/2002.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng

nói chung. Ông D nhiều lần đánh đập bà, bà nhiều lần báo chính quyền địa phương nhưng ông D vẫn không thay đổi, bà đã chịu đựng nhiều năm. Vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông D nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà và ông D có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 24/01/2004; Nguyễn Phương A, sinh ngày 28/01/2011 và Nguyễn Phương I, sinh ngày 27/7/2013. Cháu P đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu I đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/con.

Về I sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng nuôi con, cụ thể bà yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu I số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Phương D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như bà H đã trình bày.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng vẫn đang chung sống một nhà, ăn uống, sinh hoạt cùng nhau bình thường.

Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Ông mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: Bà H và ông D có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 24/01/2004; Nguyễn Phương A, sinh ngày 28/01/2011 và Nguyễn Phương I, sinh ngày 27/7/2013. Cháu P đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu I đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng/con, trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông, ông sẽ tuân theo sự quyết định của Tòa án về quyền nuôi con và mức cấp dưỡng, ông không có tranh chấp gì với bà H về quyền nuôi con.

Hiện nay ông đang làm nhân viên bảo vệ tại Công ty Viglaser Eurotile, với mức thu nhập 7.000.000 đồng/tháng, công việc ông đang làm ổn định.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H đối với ông Nguyễn Phương D cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Phương D.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị P đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao 02 cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 28/01/2011 và Nguyễn Phương I, sinh ngày 27/7/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tại phiên tòa bà H yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/tháng/con là phù hợp nên cần chấp nhận. Cụ thể ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu I số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Tại phiên tòa bà H có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu I số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con. Xét thấy, thay đổi này của bà H là sự tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Phương D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Hồ Thị H, ông Nguyễn Phương D tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hàm N, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà H, ông D: Bà H xác định vợ chồng chung sống nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều khi vợ chồng còn xảy ra xô xát làm ảnh hưởng

đền sức khoẻ của bà H. Quá trình tố tụng bà H vẫn nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông D.

Ông D xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn. Ông D mong muốn đoàn tụ gia đình với bà H vì yêu thương bà H. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã hướng các đương sự hoà giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Ông D mong muốn đoàn tụ nhưng không có động thái nào để tự hàn gắn tình cảm với bà H. Tại phiên toà bà H vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với ông D, điều đó khẳng định bà H hoàn toàn không còn tình cảm với ông D.

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H đối với ông D.

Về con chung: Bà H và ông D có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương P, sinh ngày 24/01/2004; Nguyễn Phương A, sinh ngày 28/01/2011 và Nguyễn Phương I, sinh ngày 27/7/2013. Cháu P đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Phương I đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con.

Ông D không có tranh chấp với bà H về việc ai nuôi con và mức cấp dưỡng, ông tuân theo mọi quyết định của Hội đồng xét xử.

Xét nguyện vọng nuôi con của bà H thấy: Cháu A và cháu I đều có nguyện vọng được sống với bà H. Do đó, để cháu A và cháu I có được sự chăm sóc tốt, ổn định về nơi ở, việc học tập và sinh hoạt hàng ngày, để phát triển bình thường về thể chất và tinh thần và phù hợp với nguyện vọng thì cần thiết giao cháu A và cháu I cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà bà H yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi cháu A và cháu I trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét yêu cầu của bà H thì thấy, ông D xác định ông làm nhân viên bảo vệ tại công ty Viglacier Eurotile, với mức thu nhập 7.000.000 đồng/tháng, công việc ổn định nên khi ly hôn ông D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Với mức thu nhập của ông D thì mức cấp dưỡng bà H đưa ra là phù hợp với mức chi phí sinh hoạt hàng tháng của cháu A và cháu I tại thời điểm hiện nay, mặt khác bà H cũng có công việc ổn định với mức thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng nên cả bà H và ông D cùng phải có trách nhiệm lo chi phí cho các cháu sinh hoạt, học tập hàng ngày. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H, buộc ông D cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu I số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Hồ Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Phương D phải nộp án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H đối với ông Nguyễn Phương D về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Phương D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cháu Nguyễn Thị P, sinh ngày 24/01/2004 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Buộc ông Nguyễn Phương D giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 28/01/2011 và Nguyễn Phương I, sinh ngày 27/7/2013 cho bà Hồ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc ông Nguyễn Phương D cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương A số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Buộc ông Nguyễn Phương D cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phương I số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu I trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Phương D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003061 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Hồ Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Phương D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền